TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn N.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Oanh;

2. Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXX - ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 19xx. HKTT: Thôn N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn Lộc Điền, xã Việt Hùng, huyện Thái Bình;

- Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị C và anh N đều có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2024; đơn sửa đổi, bổ sung đề ngày 28 tháng 10 năm 2024; bản tự khai đề ngày 05 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh N tại thôn Nam Hưng, xã S. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N không tu chí làm ăn, con cái nhỏ, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, chị đưa 02 con về nhà mẹ đẻ chị tại thôn L, xã V sinh sống, chị và anh N ly thân từ thời điểm đó đến nay. Từ ngày ly thân, anh chị không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh N không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn N.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Phạm Văn N có 02 con chung là Phạm Thuỳ L, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2011 và Phạm Thúy Tr, sinh ngày 15 tháng 03 năm 2014, hai cháu do chị nuôi dưỡng từ thời điểm ly thân 2015 đến nay. Ly hôn, chị xin nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Năm 2023, chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và mang thai. Ngày 28/9/2024, chị sinh 01 bé gái tại Bệnh viện đa khoa huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình dự kiến đặt tên con là Phạm Thuỳ Ph. Do cháu Ph là con chung của chị và người đàn ông khác, không phải con chung của chị và anh N nên đến nay chị chưa thực hiện được việc đăng ký khai sinh cho cháu. Hiện cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, tại đơn khởi kiện chị đề nghị Toà án xác định cháu Phạm Thuỳ Ph không phải là con chung của chị và anh Phạm Văn N.

Tòa án đã yêu cầu chị sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu chị cung cấp họ tên, ngày tháng năm sinh và địa chỉ của người đàn ông mà chị xác định là bố đẻ cháu Phạm Thuỳ Ph để Tòa án đưa họ vào tham gia tố tụng nhưng chị C có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện chị từ chối cung cấp thông tin người đàn ông mà chị có quan hệ tình cảm và là cha đẻ của cháu Ph. Đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng.

Tòa án đã giải thích về việc chị có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định hoặc quyền tự mình yêu cầu giám định để xác định cháu Phạm Thuỳ Ph và anh Phạm Văn N không phải là bố, con (ruột), nhưng chị có ý kiến: Chị không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định và cũng không tự mình yêu cầu giám định xác định cháu Phạm Thuỳ Ph và anh Phạm Văn N không phải là bố, con (ruột) nữa vì quá trình Tòa án triệu tập lấy mẫu giám định anh N không hợp tác, chị con thơ

nên không có thời gian đi lại nhiều. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung của chị và anh N để nhanh chóng có bản án ly hôn cấp cho chị làm các thủ tục khai sinh cho cháu Phạm Thùy Ph và thực hiện quyền đi học cũng như các quyền khác cho cháu Ph kịp thời.

Đồng thời, chị C xác định khi chị mang thai và sinh cháu Ph thì đang trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh Phạm Văn N còn tồn tại nên chị anh Phạm Văn N có 03 con chung là: Phạm Thuỳ L, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2011 và Phạm Thúy Tr, sinh ngày 15 tháng 03 năm 2014 và Phạm Thuỳ Ph, sinh ngày 28/9/2024. Hiện tại cả ba con đều đang ở với chị và do chị nuôi dưỡng tại nhà mẹ đẻ của chị. Ly hôn, chị xin nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con vì hơn 08 năm qua anh N không quan tâm đến mẹ con chị, không đóng góp bất cứ khoản tiền nào cùng chị nuôi con, chị đi làm công ty đảm nhận việc học hành, sinh hoạt cho các cháu, ngoài ra có sự giúp đỡ của mẹ đẻ chị và khu xóm thân cận chăm sóc cho ba con của chị.

Hiện nay chị đang là công nhân có công việc ổn định tại tỉnh Thái Bình, thu nhập từ 05 đến 06 triệu đồng/tháng. Về nơi ở, chị và 03 con đều đang sinh sống tại nhà mẹ đẻ của chị tại thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh Phạm Văn N không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai đề ngày 06 tháng 11 năm 2024, bị đơn anh Phạm Văn N trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng giống như chị C đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh và chị C chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh nghi ngờ lòng chung thủy của chị C. Vì vậy anh chị sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Chị C có đơn xin ly hôn, anh đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư giải quyết ly hôn cho chị C và anh.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung như chị C đã trình bày là Phạm Thuỳ L, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2011 và Phạm Thúy Tr, sinh ngày 15 tháng 03 năm 2014. Hiện nay cả 02 con chung đều đang do chị C nuôi dưỡng tại nhà đẻ chị C. Anh N xác định do cháu Phạm Thuỳ Ph, sinh ngày 28/9/2024 là con chung của chị C với người đàn ông khác, không phải là con chung của chị C với anh. Anh N đề nghị Tòa án trưng cầu giám đinh gen để xác định cháu Ph và anh không phải là quan hệ cha con đẻ vì không có quan hệ huyết thống.

Tòa án đã giải thích pháp luật cho anh N về việc các đương sự có quyền đề nghị Tòa án trưng cầu giám định hoặc tự mình trung cầu giám định để có căn cứ xác định cháu Phạm Thùy Phương không phải là con đẻ của anh để giải quyết

trong cùng vụ án này; hướng dẫn anh N làm đơn phản tố đề nghị Tòa án xác định cháu Phạm Thuỳ Ph không phải là con đẻ của anh N theo ý kiến của anh nhưng anh N không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tòa án sau khi giải thích pháp luật cho đương sự đã ra Quyết định trưng cầu Viện công nghệ AND và phân tích di truyền (GENLAP), ra giấy báo nhiều lần cho anh N và chị C đưa cháu Ph đến lấy mẫu giám định nhưng các đương sự không thực hiện. Vì vậy không tiến hành việc giám định được. Anh N sau đó đã đến Tòa trình bày bằng văn bản, nội dung: trong vụ án này anh không đề nghị Tòa án xác định cháu Phạm Thuỳ Ph không phải là con đẻ của anh nữa. Anh xác định anh và chị C có 03 con chung như chị C trình bày là các cháu Phạm Thuỳ L, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2011, Phạm Thúy Tr, sinh ngày 15 tháng 03 năm 2014 và Phạm Thuỳ Ph, sinh ngày 28/9/2024. Anh đồng ý và đề nghị Tòa án giao 03 con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, thừa nhận chị C từ trước tới nay đều là người trực tiếp nuôi con. Khi vợ chồng còn chung sống thì anh cùng chị C chăm sóc, nuôi dưỡng các con, nhưng từ khi vợ chồng ly thân, việc nuôi con và đóng góp học hành cho các con do chị C đảm nhận. Chị C đang làm công ty tại tỉnh Thái Bình, có thu nhập, có nơi ở tại nhà mẹ đẻ chị C. Anh cũng đi làm công ty nhưng không ổn định, sức khỏe kém nên anh đồng ý việc chị C không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 05 tháng 02 năm 2025, bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966, trú tại thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình trình bày:

Bà sống gần với nhà của gia đình chị C đang ở tại thôn L, xã H. Bà không nắm rõ về quá trình kết hôn, chung sống và mâu thuẫn giữa chị C và anh Phạm Văn N. Nhưng bà biết rõ vào năm 2015 do vợ chồng chị C mâu thuẫn nên chị C đã đưa 02 con chung của chị C và anh N về nhà mẹ đẻ của chị C ở thôn L, xã H để sinh sống từ đó đến nay.

Chị C hiện nay đang nuôi 03 con là cháu Phạm Thùy L, sinh năm 2011, cháu Phạm Thúy Tr, sinh năm 2014 và Phạm Thùy Phương sinh năm 2024 tại nhà mẹ đẻ chị C là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955 cùng thôn với bà. Hàng ngày bà M cùng với chị C chăm sóc 03 con của chị C và anh N. Về chỗ ở thì thuộc sở hữu của bà Mùi trên đất của ông ngoại chị C để lại nên chỗ ở ổn định, đảm bảo cho các con của chị C sinh sống vui vẻ, an toàn. Mẹ đẻ chị C là người nông dân có tư cách đạo đức tốt, không vi phạm pháp luật, luôn yêu con thương cháu. Hai con lớn của chị C một cháu học lớp 8 và một cháu học lớp 5 tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã H. Việc đóng tiền học và tiền ăn uống nuôi các cháu hàng

ngày là do lương và thu nhập, tích lũy của chị C, còn anh N không qua lại thăm nom và không nuôi dưỡng cũng như không chu cấp tiền ăn, học cho cả ba con chung. Chị C hiện đang nghỉ chế độ thai sản. Trước đó và hiện nay chị C vẫn đang là công nhân của công ty may Hualida, có địa chỉ tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, có thu nhập ổn định khoảng 07- 08 triệu đồng/tháng.

Theo bà P: bà Mùi mẹ đẻ chị C đã được mời đến Tòa trình bày quan điểm nhưng hiện nay đang chăm sóc cháu Ph con chị C. Bản thân bà M không biết đi xe nên không tự mình đến Tòa án được. Bà cam đoan những tình tiết đã trình bày tại Tòa án là trung thực, khách quan và đề nghị Tòa án không triệu tập bà đến phiên tòa.

5. Các con của chị C và anh N là cháu Phạm Thuỳ L, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2011 và Phạm Thúy Tr, sinh ngày 15 tháng 03 năm 2014 đều trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố, mẹ ly hôn.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 và đề nghị: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Phạm Văn N; Về quan hệ con chung: Xác định chị C và anh N có 03 con chung: Phạm Thùy Linh, sinh ngày 30/3/2011; Phạm Thúy Tr, sinh ngày 15/3/2014; Phạm Thùy Phương, sinh ngày 28/9/2024, xử giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Ghi nhận việc chị C không yêu cầu anh N phải góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Do chị C và anh N đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ghi nhận việc chị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị C khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn N có đăng ký thường trú tại Thôn N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[1.2] Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn N đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2.Về nội dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn N đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng nghi ngờ lòng chung tủy của nhau, bất đồng về quan điểm sống và kinh tế gia đình nên anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, mỗi người một nơi. Anh N và chị C đều trình bày anh chị đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, hôn nhân không thể hàn gắn và anh chị đều không còn tình cảm vợ chồng. Anh N đồng ý ly hôn với chị C. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị C và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Phạm Văn N.

[2.2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn N ban đầu thống nhất xác định: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thùy L, sinh ngày 30/3/2011; Phạm Thúy Tr, sinh ngày 15/3/2014; còn cháu Phạm Thùy Ph, sinh ngày 28/9/2024 không phải là con chung của anh chị (mà là con riêng của chị C với người đàn ông khác). Mặc dù các đương sự không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong việc xác định cháu Phạm Thùy P không phải là con chung, nhưng xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định để có căn cứ xác định cháu Ph không phải là con đẻ của anh N, trên cơ sở đó Tòa án giải quyết việc xác định con chung của chị C và anh N trong vụ án này. Nhưng do chị C và anh N không thực hiện yêu cầu lấy mẫu giám định nên cơ quan giám định không thực hiện được việc giám định và Tòa án không có căn cứ để xác định cháu Ph không phải là con chung của chị C và anh N trong vụ án này.

Theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: Đương sự có quyền quyết định và tự định đoạt việc khởi kiện. Mặt khác, theo quy định tại Điều 88 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ

chồng". Cháu Ph được chị C mang thai và sinh ra vào ngày 28/9/2024 tại Bệnh viện đa khoa huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (có giấy chứng sinh do Bệnh viện cấp) là trong thời kỳ hôn nhân nên cần xác định cháu Phạm Thùy Ph là con chung của anh N và chị C. Do đó, xác định chị C và anh N có 03 con chung là: Phạm Thùy L, sinh ngày 30/3/2011; Phạm Thúy Tr, sinh ngày 15/3/2014 và Phạm Thùy Ph, sinh ngày 28/9/2024 như ý kiến của chị C và anh N đề nghị Tòa án ghi nhận là phù hợp, đảm bảo việc nuôi dưỡng các con chung cũng như các quyền và lợi ích hợp pháp khác cho cháu Phạm Thùy Ph.

Hiện nay cả 03 con chung của anh chị đều đang ở với chị C, được chị C trực tiếp nuôi dưỡng; chị C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung. Cháu Nguyễn Thùy L và cháu Nguyễn Thúy Tr cũng trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Anh N cũng đồng ý để chị C trực tiếp được nuôi dưỡng 03 con và khẳng định chị C có đủ điều kiện để nuôi dưỡng tốt các con. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ các bên giao nộp về điều kiện nuôi con của chị C. Vì vậy, cần giao cả 03 con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị C không yêu cầu anh N phải góp cấp dưỡng nuôi các con chung cho chị.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Chị C và anh N có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[**2.3**] **Về tài sản**: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn N không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[**2.4**] **Về án phí**: Ghi nhận việc chị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án; Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Phạm Văn N.

2. **Về quan hệ con chung:** Xác định chị C và anh N có 03 con chung là: Phạm Thùy L, sinh ngày 30/3/2011; Phạm Thúy Tr, sinh ngày 15/3/2014; Phạm Thùy Ph, sinh ngày 28/9/2024. Ly hôn, xử giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Phạm Thùy L, sinh ngày 30/3/2011; Phạm Thúy Tr, sinh ngày 15/3/2014; Phạm Thùy Ph, sinh ngày 28/9/2024. Ghi nhận việc chị C không yêu cầu anh N phải góp cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Anh Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.**Về quan hệ tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị C số tiền 150.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001780 ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã S, huyện Vũ Thư;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)